TTĐT (2)

| CHÍNH PHỦ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 13/2019/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019* |

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 9
Ngày: 15/2/19

# NGHỊ ĐỊNH
## Về doanh nghiệp khoa học và công nghệ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 58 của Luật khoa học và công nghệ liên quan đến doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các đối tượng sau:

a) Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và thực hiện việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ kết quả khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ (bao gồm: công nghệ sau ươm tạo, hàng hóa, dịch vụ và các hình thức khác) là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ dựa trên việc áp dụng, ứng dụng hoặc phát triển kết quả khoa học và công nghệ.

2. Đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ là đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm.

**Điều 3. Kết quả khoa học và công nghệ**

1. Kết quả thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau đây được gọi là kết quả khoa học và công nghệ. Kết quả khoa học và công nghệ là cơ sở để xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Kết quả khoa học và công nghệ được thể hiện dưới một trong các hình thức sau:

a) Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc được công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; chương trình máy tính đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

b) Giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận;

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ;

d) Các kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận theo quy định của pháp luật;

đ) Công nghệ nhận chuyển giao được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là việc doanh nghiệp sử dụng kết quả khoa học và công nghệ để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh mới hoặc thay thế toàn bộ công nghệ hiện có trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

**Điều 4. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ là căn cứ thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hiệu lực trên toàn quốc.

2. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ là căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

## Chương II
## CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**Điều 5. Thẩm quyền cấp, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Các kết quả khoa học và công nghệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt; có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi cả nước; có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên vùng, nhất là môi trường, sức khỏe; hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông;

b) Doanh nghiệp được thành lập từ việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập mà đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Sở Khoa học và Công nghệ chưa đủ điều kiện kỹ thuật đánh giá kết quả khoa học và công nghệ và có văn bản đề nghị Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Doanh nghiệp có chi nhánh, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và có văn bản đề nghị Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi bản sao Giấy chứng nhận cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các cơ quan liên quan để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi bản sao Giấy chứng nhận cho Sở Khoa học và Công nghệ nơi có trụ sở, chi nhánh hạch toán độc lập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi bản sao Giấy chứng nhận cho các cơ quan liên quan để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

5. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thì có thẩm quyền cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 6. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp;

b) Có khả năng tạo ra hoặc ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định, công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này;

c) Có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

2. Doanh nghiệp mới thành lập dưới 5 năm đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 7. Thủ tục, hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định này gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ về cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. Hồ sơ được nộp trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

2. Hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực), thuộc một trong các văn bản sau:

- Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Quyết định công nhận giống cây trồng mới, giống vật nuôi mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật;

- Bằng chứng nhận giải thưởng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng;

- Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Giấy xác nhận hoặc giấy thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;

- Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;

- Các văn bản xác nhận, công nhận khác có giá trị pháp lý tương đương.

c) Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 8. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp về tính hợp lệ của hồ sơ, trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa hợp lệ.